

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 hướng dẫn Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính; số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 quy định phương pháp tính giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ kết luận của Ban Thường vụ tại kết luận số 166-KL/TU ngày 21/12/2017, về việc ban hành mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết trên địa bàn tỉnh,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

1. Đối tượng nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nhà ga, bến xe, trường học, chợ, cơ sở y tế, bệnh viện, ký túc xá, cửa hàng, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng kinh

doanh, dịch vụ ăn uống, công trình xây dựng phát sinh chất thải sinh hoạt (gọi chung là chủ nguồn thải).

2. Đơn vị thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

UBND các xã, phường, thị trấn hoặc các đơn vị được giao thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, thực hiện việc thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn (gọi chung là chủ thu gom).

3. Mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng):

Số TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Hộ gia đình: - Thuộc phường, thị trấn - Thuộc xã	đồng/hộ/tháng	27.000 22.000
2	Hộ độc thân, phòng trọ	đồng/hộ (phòng trọ)/tháng	10.000
3	Hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ tại nhà	đồng/hộ/tháng	100.000
4	Trụ sở cơ quan hành chính	đồng/đơn vị/tháng	120.000
5	Nhà ga, bến xe, trường học, chợ, cơ sở y tế, bệnh viện, ký túc xá, doanh nghiệp, cửa hàng, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng kinh doanh, dịch vụ ăn uống	đồng/m ³	330.000
6	Đối với các công trình xây dựng	đồng/m ³	330.000 (hoặc 0,05 % giá trị xây lắp công trình)

* **Ghi chú:** Đơn vị tính: 1m³ rác = 0,42 tấn rác (dùng cho các đối tượng Nhà ga, bến xe, trường học, chợ, cơ sở y tế, bệnh viện, ký túc xá, doanh nghiệp, cửa hàng, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng kinh doanh, dịch vụ ăn uống và các công trình xây dựng).

a) Riêng trường học, nhà trẻ: trong thời gian nghỉ hè không phải nộp tiền dịch vụ;

b) Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất;

c) Đối với các trường hợp khác (chưa có trong danh mục hoặc chủ nguồn thải và chủ thu gom có thỏa thuận lại về đơn vị tính): Chủ thu gom ký hợp đồng dịch vụ với mức giá không quá 330.000 đ/m³/tháng với chủ nguồn thải; đồng thời báo cáo về Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nơi thực hiện để tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo (nếu cần).

Điều 2. Cơ chế thu và chế độ cho người làm nhiệm vụ thu gom rác thải ở các thôn và khu phố

1. UBND cấp xã hoặc đơn vị được giao thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải thực hiện việc thu tiền sử dụng dịch vụ từ chủ nguồn thải định kỳ hàng tháng; Việc thu tiền sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phải có biên lai, hóa đơn thu theo quy định; phải có hợp đồng giữa tổ chức thu tiền dịch vụ với người sử dụng dịch vụ.

2. Đơn vị, tổ chức được giao thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phải có hợp đồng với người trực tiếp tham gia thu gom rác thải; chi trả tiền nhân công, trang bị bảo hộ lao động cũng như chi trả các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo quy định.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Sở Tài chính:

Hướng dẫn cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc thu, chi từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

3. Cục thuế tỉnh:

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong việc sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn cho các đơn vị được giao dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thực hiện, đồng thời kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện thu tiền dịch vụ phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương theo đúng đối tượng và không được vượt mức giá tối đa quy định tại Quyết định này;

b) Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thực hiện việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết rác thải theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Trực tiếp chỉ đạo việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết rác thải theo quy định;

b) Tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với khoản thu - chi giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải theo đúng quy định hiện hành.

6. Đơn vị được giao thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

a) Thực hiện thông báo công khai (kể cả niêm yết) về đối tượng thuộc diện phải chi trả tiền dịch vụ, mức giá và các thủ tục thu, nộp tiền dịch vụ theo quy định;

b) Tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với khoản thu - chi giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải theo đúng quy định hiện hành;

c) Khi thu tiền phải cấp phiếu thu cho đối tượng nộp tiền theo quy định và thu đúng theo mức giá đã niêm yết hoặc thông báo;

d) Nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định;

đ) Thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đúng hợp đồng đã ký kết, cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2018. Các Quyết định từ trước về định mức thu, quản lý và sử dụng phí vệ sinh, thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh bị bãi bỏ kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục thuế tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đ/c thành viên UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Bắc Ninh, Đài PTTH tỉnh; TT Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, NN.TN, KTTH, XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Nường